

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG
THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2025/DS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung, bà Lê Thị Ánh Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2024/TLST-DS ngày 28/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 13/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 782/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở: Số I P, phường B, Quận A, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty L (Văn bản ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02/5/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Lầu A, số B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2024).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, bà H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty T1 (viết tắt là Công ty T1) do ông Nguyễn Đức T làm đại diện trình bày:

Ngày 14/01/2023, Công ty T1 (Việt Nam), ký Hợp đồng tín dụng số: 4202859 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 với khoản vay trị giá

53.850.000 đồng trong đó bao gồm: 50.000.000 đồng tiền vay và 3.850.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 39% năm, mục đích vay: Vay tiêu dùng và mua bảo hiểm người vay vốn. Theo đó, bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 3.276.403 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 05/02/2023 đến ngày 05/01/2025.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 16/01/2023 Công ty T1 tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà H1 với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã cấp. Qua đó, bà H1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T1 đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 05 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền 30.191.498 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 26/10/2023, bà H1 đã ngừng thanh toán khoản vay cho Công ty T1 mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía bà H1 về việc thanh toán khoản vay trên. Tính đến thời điểm hiện tại, bà H1 còn nợ Công ty T1 tiền 70.884.535 đồng (bao gồm nợ gốc 37.428.675 đồng, lãi quá hạn 10.216.071 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng).

Việc bà H1 cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà hai bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1.

Do đó, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 tính đến ngày 18/6/2025 với tổng số tiền là 70.884.535 đồng (bao gồm nợ gốc 37.428.675 đồng, lãi quá hạn 10.216.071 đồng, lãi quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4202859 từ ngày 19/6/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định của Tòa án nhưng bà H1 không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa khi tiến hành tố tụng đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền: Thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai cho Tòa án cũng như vắng mặt trong các phiên họp công

khai chứng cứ và hòa giải, là không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H1 phải thanh toán cho Công ty T1 số là 70.884.535 đồng (bao gồm nợ gốc 37.428.675 đồng, lãi quá hạn 10.216.071 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4202859 từ ngày 19/6/2025 đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh H1 có địa chỉ cư trú tại: Tổ B, Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà H1 và ông T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả lại tiền gốc 37.428.675 đồng

Xét thấy, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4202859 ngày 14/01/2023 được Công ty T1 và bà H1 ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, 401 của Bộ luật Dân sự 2015.

Theo nguyên đơn trình bày: Quá trình thực hiện hợp đồng bà H1 mới thanh toán cho Công ty T1 được tổng số tiền 30.191.498 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 26/10/2023 đến nay bà H1 không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty T1.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2024 của Tòa án tại Công an xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai xác nhận: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 có đăng ký thường trú tại: Tổ B, Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà H1 không còn sinh sống tại địa phương trên một năm nay, hiện bà H1 đang ở địa chỉ nào địa phương không rõ.

Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1 bằng hình thức niêm yết công khai tại địa chỉ bà H1 đăng ký thường trú nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản phản đối. Vì vậy, xem như bà H1 đã từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình và thừa nhận nợ. Việc bà H1 không tiếp tục thanh toán khoản nợ vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 3 Phần A của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4202859 ngày 14/01/2023, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả cho Công ty T1 số tiền nợ gốc là 37.428.675 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi tính đến ngày 18/6/2025 gồm: Lãi quá hạn 10.216.071 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 3 và Điều 8 Phần B của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận mức lãi vay như sau:

“3.7. Lãi suất hàng tháng: 3,25%/tháng

3.8. Lãi suất theo năm: 39%/năm

8.3. Trả nợ trễ hạn:

Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả được tính như sau:

Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn sẽ được tính theo công thức: 150% x (lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) x (dư nợ gốc quá hạn) x (số ngày trễ hạn). Trong đó, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% x (lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn), hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm.

Tiền lãi chậm trả sẽ được tính theo công thức: 10% x (số dư lãi chậm trả) x (số ngày trễ hạn). Trong đó lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm”

Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T1 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng.

Xét mức lãi suất đã được các bên tự nguyện thỏa thuận, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N. Do đó, yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền lãi tính đến ngày 18/6/2025 gồm các khoản: lãi quá hạn 10.216.071 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng.

Kể từ ngày 19/6/2025, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn

phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $70.884.535 \text{ đồng} \times 5\% = 3.544.226 \text{ đồng}$. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; 147; 227; 228; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Nguyễn Thị Thanh H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 70.884.535 đồng (bao gồm nợ gốc 37.428.675 đồng, lãi quá hạn chưa thanh toán 10.216.071 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 21.988.693 đồng, lãi chậm trả 1.251.097 đồng).

Kể từ ngày 19/6/2025, bà Nguyễn Thị Thanh H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4202859 ngày 14/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu số tiền 3.544.226 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.233.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016512 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T1 (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị Thanh H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THA.DS huyện Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, TP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhật Lệ

